

Số: 69/2025/QĐST- HNGĐ

Cầu Ngang, ngày 04 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sự thụ lý số: 189/2025/TLST-HNGĐ ngày 12/02/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Thạch Thị V, sinh ngày 23/11/1991. Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Anh Thạch Ngọc L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Thạch Thị V và anh Thạch Ngọc L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Thạch Thị V và anh Thạch Ngọc L tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

- Về nuôi con tên: Thạch Ngọc L1, sinh ngày 28/3/2020. Chị Thạch Thị V và anh Thạch Ngọc L tự thỏa thuận về quyền nuôi con như sau:

Chị Thạch Thị V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Thạch Ngọc L1, sinh ngày 28/3/2020 khi ly hôn.

Anh Thạch Ngọc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên hòa giải Tòa án đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng chị Thạch Thị V và anh Thạch Ngọc L không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Tòa án đã giải thích Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 do chị Thạch Thị V và anh Thạch Ngọc L không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Tại phiên hòa giải chị Thạch Thị V và anh Thạch Ngọc L không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Thạch Thị V là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên chị Thạch Thị V được miễn nộp án phí. Anh Thạch Ngọc L tự nguyện chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- UBND xã Đa Lộc, huyện Châu Thành;
- Chi cục THA huyện Cầu Ngang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mộng Tiền